TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà C T H C;

2. Bà T T N P.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông T V Q - thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa*:** Ông C P L– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 17, ấp Vĩnh Tường 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, (có mặt);

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Hồng X, sinh năm 1987. Địa chỉ: tổ 4, khóm Tô Phước, thị trấn Cô Tô, huyện T T, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Hồng X thông qua mai mối của người thân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Châu Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, do bà X muốn đi làm C nhân ở Bình Dương nhưng ông C không đồng ý, từ đó bà X bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, hiện nay bà X cũng đi làm C nhân ở Bình Dương thỉnh thoảng có về nhà vài ngày rồi đi. Từ khi bà X bỏ đi đến nay, ông, bà không gặp nhau và cũng không có liên lạc, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, ly thân đã lâu nên ông Huỳnh Văn C yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Hồng X.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2009, từ khi ly thân đến nay do bà X nuôi dưỡng, ông C đồng ý để bà X tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Hồng X vắng mặt, nhưng tại phiên tòa bà X có mặt và trình bày:

Bà thống nhất theo ý kiến trình bày của ông C về quan hệ hôn nhân và thực trạng hôn nhân, con chung giữa bà với ông C. Thời gian ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không có trao đổi hay liên hệ với nhau để hàn gắn lại. Nay ông C xin ly hôn bà X đồng ý ly hôn. Bà đồng ý nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân C giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn để hồ sơ quá thời hạn chuẩn bị xét xử, tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C và bà Phạm Thị Hồng X có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông C và bà X xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân thừ năm 2016 đến nay không còn liên lạc. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải hai lần nhưng bà X vắng mặt, chứng tỏ bà X không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà X cũng đồng ý ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn C đối với bà Phạm Thị Hồng X.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2009. Xét thấy, từ khi ly thân con chung do bà X nuôi dưỡng và ông C cũng thống nhất để bà X tiếp tục nuôi con nên việc giao con chung cho bà Phạm Thị Hồng X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Hồng X không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bà Phạm Thị Hồng X vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị Hồng X có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm Tô Phước, thị trấn Cô Tô, huyện T T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện T T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C và bà Phạm Thị Hồng X thông qua mai mối của người thân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Châu Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang năm 2009 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông C, bà X phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2016 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh tại khóm Tô Phước, thị Trấn Cô Tô xác định *"...Từ năm 2017 thì thấy bà X và con trở về nhà cha ruột sinh sống đến nay, không thấy ông C tới lui thăm vợ con....."*. Tại phiên tòa bà X cũng thừa nhận. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông C và bà X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn C là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngy

14/7/2009. Xét thấy, cháu Ngọc Nghi đã 13 tuổi, từ khi ly thân con chung do bà X nuôi dưỡng và ông C cũng thống nhất để bà X tiếp tục nuôi con. Xét thấy, giao con chung cho bà Phạm Thị Hồng X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Hồng X không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: ông Huỳnh Văn C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị Hồng X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn C đối với bà Phạm Thị Hồng X. ông Huỳnh Văn C được ly hôn với bà Phạm Thị Hồng X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2009 cho bà Phạm Thị Hồng X nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Hồng X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Huỳnh Văn C quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0002275 ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T, ông Huỳnh Văn C đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Châu Phong;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đ V H